

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ÁP DỤNG CHO NGÀNH HỌC PHỤ

(Kèm theo Quyết định số: 590/QĐ-ĐHCNĐN, ngày 23 tháng 12 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Đồng Nai.)

Tên ngành phụ đào tạo: An toàn và Sức khỏe môi trường

PHẦN A. THÔNG TIN CHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH PHỤ

1. Mục tiêu chương trình đào tạo

Trang bị cho sinh viên các kiến thức nền tảng và kỹ năng cần thiết trong lĩnh vực bảo vệ sức khỏe và an toàn lao động, đặc biệt trong bối cảnh môi trường làm việc hiện đại và các yêu cầu về bảo vệ môi trường ngày càng khắt khe.

Các mục tiêu cụ thể:

- Cung cấp kiến thức chuyên sâu về an toàn và sức khỏe môi trường, bao gồm các nguyên lý bảo vệ sức khỏe cộng đồng, các biện pháp giảm thiểu rủi ro, và các tiêu chuẩn an toàn lao động.
- Giúp sinh viên hiểu biết về các quy định pháp luật và tiêu chuẩn quốc tế về an toàn lao động và bảo vệ môi trường.
- Phát triển kỹ năng thực tiễn để nhận diện, đánh giá và xử lý các mối nguy hại trong môi trường làm việc đa dạng.
- Khuyến khích tư duy sáng tạo, khả năng tự nghiên cứu và đạo đức nghề nghiệp trong việc xây dựng một môi trường làm việc an toàn và bền vững.

2. Định hướng đào tạo

2.1. Định hướng đào tạo

- **Định hướng nghiên cứu và ứng dụng:** Chương trình kết hợp các phương pháp giảng dạy nghiên cứu và ứng dụng thực tiễn, giúp sinh viên phát triển kỹ năng nhận diện rủi ro, đánh giá tình huống và đề xuất giải pháp bảo vệ sức khỏe và an toàn.
- **Tính thích ứng cao:** Sinh viên sau khi tốt nghiệp sẽ có khả năng làm việc trong các doanh nghiệp, tổ chức bảo vệ môi trường, các cơ quan chính phủ và phi chính phủ trong và ngoài nước.
- **Tăng cường hợp tác:** Liên kết với các tổ chức trong lĩnh vực an toàn và sức khỏe môi trường để cập nhật kiến thức và kỹ năng, đảm bảo tính ứng dụng và phù hợp với nhu cầu thực tế.

2.2. Gắn kết với sứ mạng, tầm nhìn và chiến lược phát triển của Trường

- Chương trình được xây dựng theo định hướng phát triển bền vững của Trường, đáp ứng các yêu cầu nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường.
- Hướng đến phát triển toàn diện sinh viên cả về kỹ năng mềm và kiến thức chuyên môn, góp phần vào chiến lược đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

3. Cấu trúc chương trình

- Tổng số tín chỉ: 21 tín chỉ bao gồm các học phần cơ sở ngành và chuyên ngành.

- Kế hoạch giảng dạy: 03 học kỳ.

4. Điều kiện hoàn thành

4.1. Điều kiện học ngành phụ:

- Điểm trung bình tích lũy (GPA) từ 2.0 trở lên.
- Đối tượng: Sinh viên từ năm hai đang theo học chương trình đào tạo ngành chính tại trường.

4.2. Điều kiện hoàn thành ngành phụ:

- Hoàn thành đủ 21 tín chỉ của chương trình.
- Điểm trung bình các học phần ngành phụ từ 2.0 trở lên.

4.3. Cấp chứng nhận và bằng kết quả học tập (phụ lục chứng nhận):

Sinh viên sẽ được cấp chứng nhận và bằng kết quả học tập sau khi hoàn thành khóa học.

PHẦN B: CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

1. Khối lượng kiến thức toàn khóa: 21 tín chỉ

2. Cấu trúc chương trình dạy học

2.1. Cấu trúc theo nhóm học phần

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1.	MT70101	Tổng quan về An toàn, sức khỏe và môi trường	1	Cơ sở ngành
2.	MT70202	Luật an toàn vệ sinh lao động	2	Cơ sở ngành
3.	MT71118	An toàn sức khỏe nghề nghiệp trong các ngành sản xuất	2	Chuyên ngành
4.	MT71210	Ứng phó sự cố khẩn cấp	2	Chuyên ngành
5.	MT70124	Hệ thống các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe và môi trường	2	Chuyên ngành
6.	MT71206	Kỹ thuật an toàn thiết bị chịu áp lực	2	Chuyên ngành
7.	MT71207	An toàn hóa chất	2	Chuyên ngành
8.	MT71226	An toàn máy móc thiết bị	2	Chuyên ngành
9.	MT71216	Thanh kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động	2	Chuyên ngành
10.	MT71217	Quản lý rủi ro an toàn lao động	2	Chuyên ngành
11.	MT71128	Chuyên đề tốt nghiệp	2	Chuyên ngành

- Tổng số tín chỉ học phần cơ sở ngành: (3 TC, chiếm tỷ lệ 14.3 %)

- Tổng số tín chỉ học phần chuyên ngành: (18 TC, chiếm tỷ lệ 85.7 %)

2.2. Cấu trúc theo khối kiến thức

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
I.	Kiến thức cơ sở ngành			3	45	45	0	0	0				
1.	MT70101	Tổng quan về An toàn, sức khỏe và môi trường	Overview of Safety, health and environment	1	15	15				BB	Không	Không	Không
2.	MT70202	Luật an toàn vệ sinh lao động	Law on Occupational Safety and Hygiene	2	30	30				BB	Không	Không	Không
II.	Kiến thức chuyên ngành			18	300	240	0	60	0				
3.	MT71118	An toàn sức khỏe nghề nghiệp trong các ngành sản xuất	Occupational health and safety in manufacturing industries	2	30	30				BB	Không	Không	Không
4.	MT71210	Ứng phó sự cố khẩn cấp	Respond to emergency incidents	2	30	30				BB	Không	Không	Không
5.	MT70124	Hệ thống các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe và môi trường	System of international standards on safety, health and environment	2	30	30				BB	Không	Không	MT70202
6.	MT71206	Kỹ thuật an toàn thiết bị chịu áp lực	Pressure Equipment Safety	2	30	30				BB	Không	Không	Không
7.	MT71207	An toàn hóa chất	Chemical safety	2	30	30				BB	Không	Không	Không
8.	MT71226	An toàn máy móc thiết bị	Machinery and equipment safety engineering	2	30	30				BB	Không	Không	Không

TT	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Tên học phần (tiếng Anh)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
9.	MT71216	Thanh kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động	Inspection of occupational safety and hygiene	2	30	30				BB	Không	Không	MT70124
10.	MT71217	Quản lý rủi ro an toàn lao động	Managing labor safety risks	2	30	30				BB	Không	Không	MT70124
11.	MT71128	Chuyên đề tốt nghiệp	Graduation Topics	2	60	-	-	60		BB	Không	Không	MT71217
TỔNG				21	345	285	0	60	0				

Một tín chỉ được tính tương đương 50 giờ học tập định mức của người học, bao gồm cả thời gian dự giờ giảng, giờ học có hướng dẫn, tự học, nghiên cứu, trải nghiệm và dự kiểm tra, đánh giá (Theo TT 17/2021/TT-BGDĐT, ngày 22/6/2021)

- **LT: lý thuyết** (Giảng dạy trực tiếp trên lớp hoặc qua MS Team. Tùy thuộc vào phương pháp dạy - học, hoạt động giảng dạy trên lớp hoặc qua MS Team gồm các hình thức như: giảng bài, thảo luận nhóm, sửa bài tập, thuyết trình....). 1 TC lý thuyết tính bằng 15 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **TH: thực hành** (Thực hiện tại phòng máy tính, phòng thí nghiệm; làm đồ án, dự án tại lớp; học mô phỏng, học thực hành tại các phòng thực hành chuyên biệt như: phòng mô phỏng, phòng piano, phòng sân khấu kịch, phòng phim trường, phòng studio, phòng lab...). 1 TC thực hành bằng 30 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **ĐA: đồ án** (Hình thức học tập, nghiên cứu và làm việc có hướng dẫn để thực hiện các dự án cụ thể theo yêu cầu môn học. Thường bao gồm: Làm đồ án tốt nghiệp, chuyên đề tốt nghiệp, đồ án môn học (liên quan đến các môn chuyên ngành). 1 TC đồ án bằng 30 giờ lên lớp, thời gian còn lại của giờ tín chỉ sử dụng cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **TT: thực tế** (đi kiến tập, thực tập, đi tour, đi thực địa ngoài Trường). 1 TC thực tế bằng 45 giờ - 60 giờ thực hành (tính theo giờ hành chính) tại cơ sở thực tế, bao gồm cả cho hoạt động tự học, tự nghiên cứu trải nghiệm và thi, kiểm tra, đánh giá.

- **Viết tắt:** BB/TC: học phần bắt buộc hay tự chọn; TQ: học phần tiên quyết; SH: học phần song hành; HT: học phần học trước

2.3. Nội dung tóm tắt các học phần

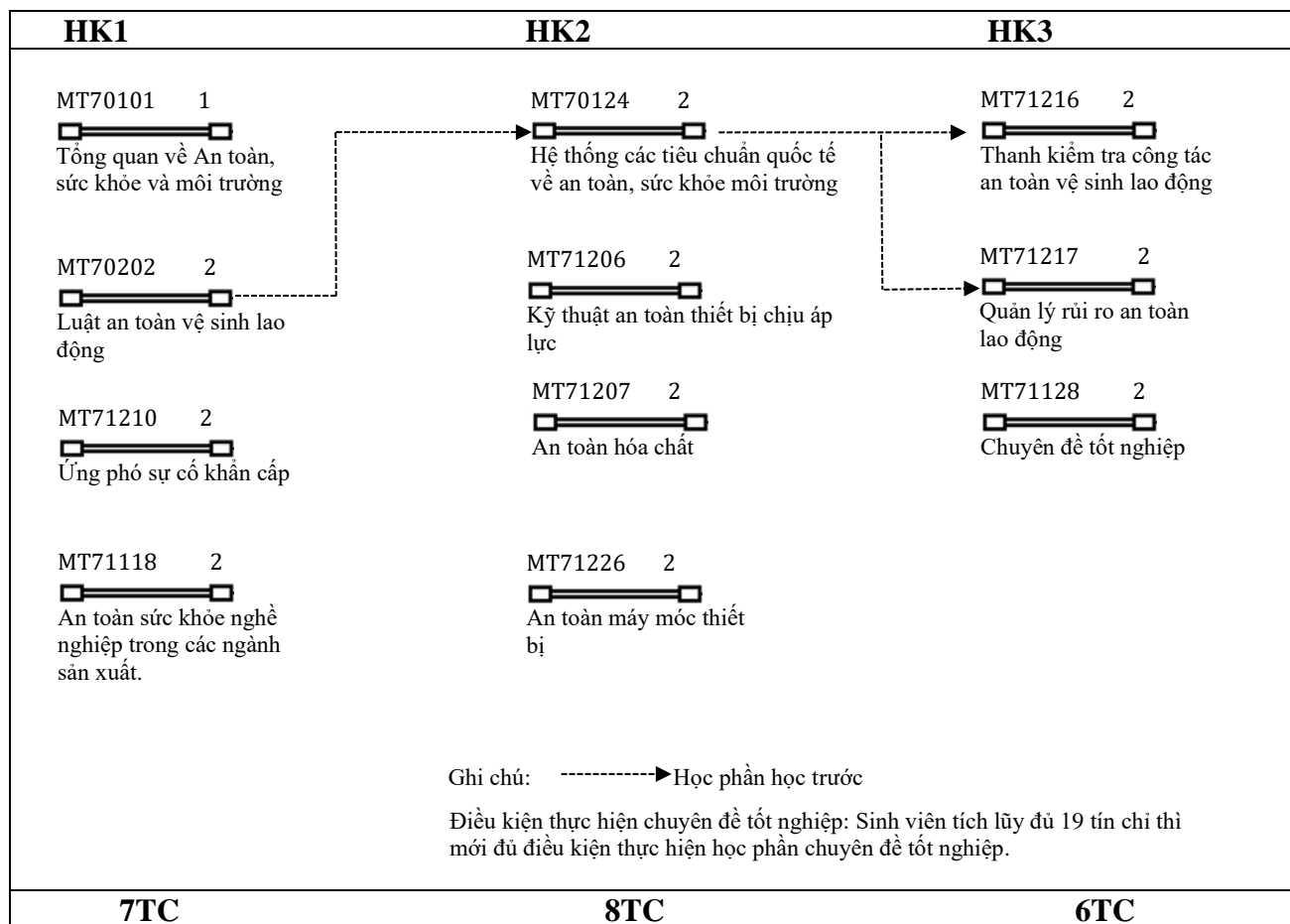
TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
1.	Tổng quan về An toàn, sức khỏe và môi trường	1	Học phần nhập môn ngành được thiết kế để trang bị cho người học những khái niệm, định nghĩa, các kiến thức, tri thức căn bản về an toàn, sức khỏe và môi trường. Giúp cho người học có phương pháp tiếp cận, phương pháp luận khi học về ngành an toàn, sức khỏe và môi trường, từ đó có những định hướng cụ thể về khả năng học tập, nghiên cứu và phát triển nghề nghiệp tương lai của mình.
2.	Luật an toàn vệ sinh lao động	2	Học phần cung cấp các kiến thức về hệ thống luật lệ và quy định liên quan đến an toàn vệ sinh lao động. Sinh viên sẽ được tìm hiểu về các điều luật và nghị định quy định về an toàn lao động, quyền và trách nhiệm của người lao động và doanh nghiệp, gồm cách áp dụng và thực hiện các quy tắc an toàn trong môi trường làm việc.
3.	An toàn sức khỏe nghề nghiệp trong các ngành sản xuất	2	Học phần đề cập đến những khái niệm cơ bản liên quan đến lao động (điều kiện lao động, tai nạn lao động, mối nguy,...), bảo hộ lao động và an toàn vệ sinh môi trường; Học phần cũng cung cấp các kiến thức về quản lý rủi ro trong lao động, đánh giá mức độ an toàn của một cơ sở/doanh nghiệp. Đi sâu vào phân tích các kỹ thuật an toàn lao động, kỹ thuật vệ sinh môi trường giữ gìn môi trường làm việc, biện pháp phòng chống ô nhiễm, giải pháp cho tương lai để ngăn ngừa tai nạn lao động và giảm thiểu bệnh nghề nghiệp; Học phần cũng cung cấp kiến thức về quản lý an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo tiêu chuẩn OHSAS 18001.
4.	Ứng phó sự cố khẩn cấp	2	Trang bị kiến thức về thực hành ứng cứu khẩn cấp từ việc nhận biết được các tình huống khẩn cấp, phương thức nhận biết các yếu tố tăng mức độ nguy hiểm của các tình huống khẩn cấp, cách thức tổ chức ứng cứu khi có tình huống khẩn cấp phát sinh.
5.	Hệ thống các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe và môi trường	2	Học phần cung cấp tính hệ thống hóa về các tiêu chuẩn quốc tế liên quan đến an toàn, sức khỏe và môi trường. Sinh viên sẽ nắm bắt được nguồn gốc xuất xứ, tổ chức ban hành các bộ tiêu chuẩn quốc tế và xu hướng tiêu chuẩn hóa an toàn sức khỏe môi trường trong từng lĩnh vực đặc thù.
6.	Kỹ thuật an toàn thiết bị chịu áp lực	2	Trang bị kiến thức cơ bản về các nguyên lý thiết kế và vận hành thiết bị chịu áp lực, các nguy cơ mất an toàn, dụng cụ đo lường - kiểm tra, cơ cấu an toàn khi sử dụng thiết bị áp lực làm tiền đề cho việc đánh giá và quản lý an toàn tại các cơ sở có sử dụng thiết bị chịu áp lực.
7.	An toàn hóa chất	2	Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về an toàn hóa chất trong sản xuất, sử dụng, bảo quản và vận chuyển hóa chất. Các con đường hóa chất xâm nhập và đào thải khỏi cơ thể, các yếu tố ảnh hưởng đến độc tính của hóa chất và những điều kiện làm cho cơ thể dễ bị nhiễm độc trong

TT	Tên môn học/học phần	Số TC	Nội dung
			quá trình làm việc. Các nguy cơ khi làm việc, tiếp xúc với hóa chất. Biện pháp phòng ngừa và xử lý các sự cố về hóa chất. Tìm hiểu Bản dữ liệu an toàn hóa chất (SDS), quy tắc và dấu hiệu nhận biết nhãn hóa chất.
8.	An toàn máy móc thiết bị	2	Học phần cung cấp các kiến thức liên quan đến các khía cạnh an toàn trong sử dụng và vận hành máy móc và thiết bị công nghiệp. Sinh viên sẽ học về đánh giá rủi ro, phòng ngừa tai nạn, và cách sử dụng đúng thiết bị bảo vệ cá nhân, bao gồm cả việc nghiên cứu về các yếu tố an toàn của máy móc, quy trình kiểm tra an toàn, và cách thiết lập và duy trì môi trường làm việc an toàn.
9.	Thanh kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động	2	Học phần này nhằm trang bị sinh viên các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện quy trình kiểm tra và đánh giá về an toàn và vệ sinh lao động trong môi trường công việc. Nội dung môn học bao gồm cách thực hiện thanh kiểm tra, đánh giá rủi ro, và xác định các biện pháp bảo vệ cần thiết. Sinh viên cũng học cách lập kế hoạch kiểm tra định kỳ, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn an toàn và xử lý các vấn đề an toàn hiệu quả, từ đó giúp bảo đảm môi trường làm việc an toàn.
10.	Quản lý rủi ro an toàn lao động	2	Học phần này cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các thuật ngữ, định nghĩa liên quan đến quản lý rủi ro; Các dạng môi nguy, rủi ro ảnh hưởng đến an toàn, sức khỏe của người lao động; Các phương pháp để nhận diện, phân tích và đánh giá rủi ro; Quy trình quản lý rủi ro; Nguyên tắc, chiến lược để đề xuất các biện pháp kiểm soát rủi ro, đảm bảo an toàn, sức khỏe cho người lao động tại nơi làm việc
11.	Chuyên đề tốt nghiệp	2	Học phần này, sinh viên vận dụng những nền tảng kiến thức cơ sở ngành, kiến thức chuyên ngành đã học để tìm hiểu và tổng hợp những kiến thức liên quan đến lĩnh vực mà sinh viên chọn nghiên cứu. Từ đó giúp sinh viên có ý tưởng để thực hiện chuyên đề tốt nghiệp, hoặc sinh viên học hỏi thông qua dự án thực tế trong lĩnh vực an toàn và Sức khỏe môi trường.

3. Kế hoạch giảng dạy

TT	Phân bổ học kỳ	Mã học phần	Tên học phần (tiếng Việt)	Số tín chỉ	Số giờ					BB/TC	Điều kiện TQ	Học phần SH	Học phần HT
					Tổng	LT	TH	ĐA	TT				
Học kỳ 1: 7 tín chỉ													
1.	1	MT70101	Tổng quan về An toàn, sức khỏe và môi trường	1	15	15				BB	Không	Không	Không
2.	1	MT70202	Luật an toàn vệ sinh lao động	2	30	30				BB	Không	Không	Không
3.	1	MT71118	An toàn sức khỏe nghề nghiệp trong các ngành sản xuất	2	30	30				BB	Không	Không	Không
4.	1	MT71210	Ứng phó sự cố khẩn cấp	2	30	30				BB	Không	Không	Không
Học kỳ 2: 8 tín chỉ													
5.	2	MT70124	Hệ thống các tiêu chuẩn quốc tế về an toàn, sức khỏe và môi trường	2	30	30				BB	Không	Không	MT70202
6.	2	MT71206	Kỹ thuật an toàn thiết bị chịu áp lực	2	30	30				BB	Không	Không	Không
7.		MT71207	An toàn hóa chất	2	30	30							
8.	2	MT71226	An toàn máy móc thiết bị	2	30	30				BB	Không	Không	Không
Học kỳ 3: 6 tín chỉ													
9.	3	MT71216	Thanh kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động	2	30	30				BB	Không	Không	MT70124
10.	3	MT71217	Quản lý rủi ro an toàn lao động	2	30	30				BB	Không	Không	MT70124
11.	3	MT71128	Chuyên đề tốt nghiệp	2	60			60		BB	Không	Không	MT71217

4. Lưu đồ chương trình môn học (sơ đồ cây chương trình môn học)



5. Phương pháp đánh giá

Phương pháp đánh giá CTĐT áp dụng trong Quy định Khảo thí và Đo lường kết quả học tập của người học.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
 PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

Nguyễn Thúy Lan Chi

PHỤ TRÁCH KHOA

Nguyễn Thành Công